

Biểu mẫu 10

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG
HOÀNG HOA THÁM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

THÔNG BÁO

Công khai thông tin chất lượng giáo dục thực tế của trường trung học cơ sở và trường
trung học phổ thông, năm học 2023-2024

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp			
			Lớp 10	Lớp 11	Lớp 12	Lớp ...
I	Số học sinh chia theo hạnh kiểm	2368	842	758	768	
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	2317 (97.85)	835 (99.17)	730 (96.31)	752 (97.92)	
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	49 (2.07)	7 (0.83)	26 (3.43)	16 (2.08)	
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)	1 (0.04)	0	1 (0.13)	0	
4	Yếu (tỷ lệ so với tổng số)	1 (0.04)	0	1 (0.13)	0	
II	Số học sinh chia theo học lực					
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	1,388 (58.61)	505 (59.98)	441 (58.18)	442 (57.55)	
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	896 (37.84)	315 (37.41)	281 (37.07)	300 (39.06)	
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)	80 (3.38)	22 (2.61)	32 (4.22)	26 (3.39)	



4	Yếu (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	
5	Kém (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	
III	Tổng hợp kết quả cuối năm					
1	Lên lớp (tỷ lệ so với tổng số)	2368	842	758	768	
a	Học sinh giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	1,388 (58.61)	505 (59.98)	441 (58.18)	442 (57.55)	
b	Học sinh tiên tiến (tỷ lệ so với tổng số)	8% (37.84)	315 (37.41)	281 (37.07)	300 (39.06)	
2	Thi lại (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	
3	Lưu ban (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	
4	Chuyển trường đến/đi (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	
5	Bị đuổi học (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	
6	Bỏ học (qua kỳ nghỉ hè năm trước và trong năm học) (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	
IV	Số học sinh đạt giải các kỳ thi học sinh giỏi					
1	Cấp huyện	0	0	0	0	
2	Cấp tỉnh/thành phố	50	15	15	20	
3	Quốc gia, khu vực một số nước, quốc tế	0	0	0	0	
V	Số học sinh dự xét hoặc dự thi tốt nghiệp	765			765	
VI	Số học sinh được công nhận tốt nghiệp	765	-	-	765	

1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)					
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)					
3	Trung bình (Tỷ lệ so với tổng số)					
VII	Số học sinh thi đỗ đại học, cao đẳng (tỷ lệ so với tổng số)	765 100%				
VIII	Số học sinh nam/số học sinh nữ	1.202/1166	443/399	379/361	362/406	
IX	Số học sinh dân tộc thiểu số	57	16	16	25	

Thành phố Hồ Chí Minh ngày 05 tháng 9 năm 2024

HIỆU TRƯỞNG



Lê Thị Xuân Dung

